TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**1132**/2019/KDTM-PT
Ngày: 27/11/2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán: 1. Bà **Vũ Thị Thu Hà .**

2. Bà **Trương Thị Thảo.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hồ Thị Kim Oanh**– Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Thân Trọng Minh Phương**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 11 năm 2019 và ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 95/2019/KDTM-PT ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân thành phố Hồ Chí Minhvề việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 34/2019/KDTM-ST ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5144/2019/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 8729/2019/QĐ-HPT ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty LA.**

Địa chỉ trụ sở: đường PVL, Phường 6, thành phố TA, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1990 (Giấy ủy quyền số: 2709/GUQ ngày 27/9/2017) (có mặt).

Địa chỉ: đường 65, phường TP, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Công ty TNHH PT**

Địa chỉ trụ sở: đường BTH, Phường 14, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1981(Hợp đồng ủy quyền ngày 06/4/2018). (có mặt)

Địa chỉ: đường TKD, phường TD, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Hào – Luật sư của Công ty Luật TNHH X thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt ngày 21/11/2019, có mặt ngày 27/11/2019).

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn.

5. *Người kháng nghị*: Viện Kiểm sát nhân dân Quận M, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn có bà Phan Thị Thu H là đại diên ủy quyền trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 Công ty LA (gọi tắt là Công ty LA) có bán Bột đạm cho Công ty PT (gọi tắt là Công ty PT). Sau khi kết thúc việc mua bán, ngày 28/6/2016 hai bên đối chiếu công nợ qua thư điện tử (Email). Cụ thể phía Công ty LA có lập bản đối chiếu công nợ rồi gửi cho Công ty PT qua địa chỉ Email: maitranthungan@yahoo.com. Sau đó Công ty PT xác nhận vào bản đối chiếu công nợ rồi gửi lại cho Công ty LA qua địa chỉ Email: tanhuynh5588@yahoo.com.vn. Theo bản đối chiếu công nợ thì Công ty PT còn nợ Công ty LA 2.677.458.500 đồng. Tính đến ngày 26/01/2017, Công ty PT trả nợ tiền hàng được 1.300.000.000 đồng còn nợ là 1.377.458.500 đồng. Công ty LA nhiều lần đòi nhưng Công ty PT không trả nên Công ty LA khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Công ty PT phải trả tiền hàng còn nợ là 1.377.458.500 đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 26/01/2017 đến ngày 26/8/2017 với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền lãi là 80.030.339 đồng.

* Phần trình bày của Bị đơn – Công ty PT: Xác nhận trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 Công ty PT có mua Bột Đạm của Công ty LA. Công ty PT đã nhiều lần trả tiền hàng cho Công ty LA. Tuy nhiên, giữa hai Công ty không có đối chiếu công nợ với nhau. Đầu năm 2017 Công ty LA thông báo bằng điện thoại cho Công ty PT về số tiền hàng mà Công ty PT còn nợ đối với Công ty LA là 300.000.000 đồng. Do đó ngày 26/01/2017, Công ty PT đã trả hết số tiền 300.000.000 đồng cho Công ty LA. Hiện nay, Công ty PT không còn nợ tiền hàng đối với Công ty LA nên Công ty PT không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty LA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử nên đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 34/2019/KDTM-ST ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 24, Điều 34 Luật Thương mại;

- Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí .

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty LA về việc yêu cầu bị đơn Công ty PT phải trả nợ tiền hàng 1.377.458.500 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 80.030.339 đồng.

2. Về án phí: Buộc Công ty LA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 55.724.665 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Công ty LA đã nộp là 26.661.878 đồng theo biên lai thu số 0001891 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty LA phải tiếp tục nộp số tiền 29.062.787 đồng. Công ty PT không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí giám định: 1.500.000 đồng buộc Công ty LA phải chịu. Công ty LA đã nộp đủ 1.500.000 đồng tiền chi phí giám định.

Ngày 23/7/2019, Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 24/7/2019: Viện kiểm sát nhân dân quận M kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 263/QĐKNPT-VKS.

Nội dung kháng nghị: Đề nghị xem xét lại và chấp nhận các chứng cứ do Nguyên đơn xuất trình để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn trình bày: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận M về đánh giá lại các chứng cứ mà đương sự giao nộp. Không chấp nhận tính hợp pháp của Bản đối chiếu công nợ ngày 28/6/2016. Chấp nhận tính hợp lệ của 34 hóa đơn VAT và các chứng từ thanh toán qua Ngân hàng do Nguyên đơn cung cấp. Không chấp nhận trình bày của Nguyên đơn cho rằng Bị đơn nợ các khoản tiền gồm: 2.459.600.000 đồng phát sinh từ hợp đồng 06/HĐKT ngày 29/01/2015 và 1.221088.000 đồng phát sinh từ hợp đồng 03/HĐ KT ngày 08/1/2016 do các khoản tiền này không có hóa đơn VAT. Sau khi đối chiếu lại công nợ cho thấy Bị đơn đã thanh toán xong các khoản tiền hàng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận M thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận M căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn-Công ty LA, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[2.1] Về số nợ tiền mua hàng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm thì khi giao dịch mua bán với nhau từ năm 2014 đến năm 2016 đôi bên đã ký tổng cộng 26 hợp đồng hợp đồng kinh tế để mua bán bột đạm. Tại các hợp đồng có thỏa thuận cụ thể về phương thức giao nhận hàng , phương thức thanh toán, trách nhiệm của hai bên. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng thì các bên không thực hiện đúng các thỏa thuận, cụ thể như khi giao hàng không có phiếu giao hàng chủ yếu là tin tưởng và liên hệ qua email hoặc điện thoại và Công ty LA xuất hóa đơn VAT (giá trị gia tăng). Về phía Công ty PT, khi chuyển tiền thanh toán tiền hàng cho Công ty Nhà Rồng đã không xác định trả tiền cho hóa đơn VAT nào dẫn đến phát sinh tranh chấp. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tại Biên bản đối chất ngày 30/01/2018, Biên bản hòa giải ngày 30/01/2018 thì bà Nguyễn Thị V là người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn có thừa nhận khoản tiền nợ mua hàng đối với Nguyên đơn là 1.377.458.500 đồng. Tuy nhiên, sau đó người đại diện theo pháp luật của Bị đơn cho rằng lời khai của bà V là không đúng sự thật và khẳng định không còn nợ Nguyên đơn tiền hàng . Điều này cho thấy lời khai của Bị đơn trước sau đã mâu thuẫn với nhau nên không đủ cơ sở khách quan để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử cần phải đánh giá lại toàn bộ chứng cứ do các bên đương sự xuất trình có trong hồ sơ để đảm bảo giải quyết vụ án khách quan và đúng pháp luật.

[2.1.1] Về Bản đối chiếu công nợ ngày 28/6/2016 do nguyên đơn cung cấp. **Xét thấy:** Do phía bị đơn không thừa nhận có ký tài liệu này nên Nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu giám định chữ viết và con dấu của Công ty PT trong tại Bản đối chiếu công nợ ngày 28/9/2016. Tại kết luận giám định số 2849/C54B ngày 16/7/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị H; hình dấu tròn có nội dung "Công ty PT" trên "Biên bản giao nhận Bột Đạm và đối chiếu công nợ" đề ngày 28/6/2016 không phải là chữ ký, chữ viết, hình dấu được ký, viết, đóng trực tiếp mà được tạo ra bằng phương pháp in laser màu. Do đó Phân viện Khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh không tiến hành giám định. Về phía nguyên đơn cũng xác định không cung cấp được cho Tòa án "Biên bản giao nhận Bột Đạm và đối chiếu công nợ" có chữ ký, chữ viết, hình dấu được ký, viết, đóng trực tiếp và cũng không yêu cầu Tòa án giám định lại, giám định bổ sung. Do vậy Bản án sơ thẩm không chấp nhận tài liệu này là chứng cứ chứng minh chữ ký, chữ viết, hình dấu tròn trên tờ "Biên bản giao nhận Bột Đạm và đối chiếu công nợ" là chữ ký, chữ viết, con dấu của bị đơn là có căn cứ pháp luật phù hợp với Điều 95 Bộ LTTDS quy định về chứng cứ.

[2.1.2] Về lời khai của nguyên đơn cho rằng vào ngày 28/6/2016 phía Công ty LA có lập bản đối chiếu công nợ rồi gửi cho Công ty PT qua địa chỉ Email: maitranthungan@yahoo.com. Sau đó Công ty PT xác nhận vào bản đối chiếu công nợ rồi gửi lại cho Công ty LA qua địa chỉ Email: tanhuynh5588@yahoo.com.vn. **Xét thấy:** Địa chỉ Email: maitranthungan@yahoo.com là của người có tên là Trần Thu Ngân nhưng nguyên đơn đã thừa nhận không rõ thông tin cá nhân cũng như địa chỉ cư trú của Trần Thu Ngân. Nguyên đơn cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập người có tên Trần Thu Ngân là người làm chứng trong vụ án. Tại tòa, bị đơn khẳng định địa chỉ Email: maitranthungan@yahoo.com không phải của Công ty PT và Công ty PT cũng không cung cấp cho Công ty LA địa chỉ Email này để giao dịch. Người có tên là Trần

Thu N cũng không được Bị đơn ủy quyền giao dịch với Công ty LA. Do vậy bản án sơ thẩm nhận định cho rằng chưa đủ cơ sở để xác định ngày 28/6/2016 Công ty PT và Công ty LA có đối chiếu công nợ với nhau qua thư điện tử (Email) là có cơ sở.

[2.1.3] Về trình bày của nguyên đơn cho rằng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì nguyên đơn đã bán hàng và xuất cho phía bị đơn tổng cộng là 34 hóa đơn VAT với tổng số tiền trị giá hàng đã bán là 49.537.670.350 đồng. Tổng khoản nợ này được tính bao gồm luôn khoản nợ 1.221.088.000 đồng là trị giá lô hàng phát sinh từ hợp đồng số 03/HĐKT ngày 8/01/2016 và 2.459.600.000 đồng là trị giá lô hàng phát sinh từ hợp đồng 06/HĐKT ngày 29/1/2015 thì nguyên đơn chưa xuất hóa đơn VAT mà chỉ dựa vào phiếu cân hàng để tính giá trị hàng và công nợ). Phía Bị đơn chỉ thanh toán tính đến ngày 26/1/2017 tổng cộng là 48.160.211.850 đồng nên còn nợ là 1.377.458.500 đồng. Chứng cứ để nguyên đơn chứng minh là 26 hợp đồng kinh tế được đôi bên xác lập từ tháng 5/2014 đến tháng 01/2016 và 34 hóa đơn VAT do Nguyên đơn xuất từ ngày 23/6/2014 đến ngày 26/01/2017 (chi tiết theo bản liệt kê tại bút lục 176) và chứng từ các đợt Bị đơn chuyển tiền qua ngân hàng từ ngày 23/6/2014 đến ngày 26/01/2017 (chi tiết theo bản liệt kê tại bút lục số 178) .

Xét thấy:

Xét 34 hóa đơn (VAT) nêu trên, nhận thấy: Tại Tòa phía bị đơn thừa nhận có nhận các hóa đơn VAT do phía nguyên đơn giao cũng như thừa nhận các khoản tiền đã thanh toán đúng như trình bày của nguyên đơn nên tình tiết này nguyên đơn không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét trình bày của nguyên đơn về các khoản khoản nợ tiền hàng phát sinh từ hợp đồng số 03/HĐKT ngày 8/01/2016 và hợp đồng 06/HĐKT ngày 29/1/2015, Nhận thấy**:** Theo nội dung của các phiếu cân hàng do Nguyên đơn xuất trình thì việc cân hàng được thực hiện bởi Công ty Tân Bình An cho khách hàng là Công ty LA. Tại các phiếu cân hàng không có nội dung nào thể hiện việc Công ty LA giao hàng cho Công ty PT. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Bị đơn không thừa nhận có nhận số hàng tại hai hợp đồng cùng các khoản nợ phát sinh nêu trên. Hơn nữa chính nguyên đơn cũng cho rằng các hóa đơn VAT do Nguyên đơn xuất cho Bị đơn là cơ sở để Nguyên đơn tính toán công nợ. Như vậy việc Nguyên đơn chưa xuất hóa đơn VAT cho lô hàng trên nhưng lại cho đây là công nợ của Bị đơn là không có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở xác nhận bị đơn đã mua hàng của nguyên đơn với số lượng hàng theo các 34 hóa đơn VAT xuất từ ngày 23/6/2014 đến ngày 20/1/2017 với tổng số tiền tổng cộng là 45.861.623.350 đồng. Bị đơn đã thanh toán tính đến ngày 26/01/2017 số tiền tổng cộng là 46.160.521.850 đồng. Đối trừ hai khoản tiền này thì Bị đơn đã chuyển tiền cho nguyên đơn vượt quá giá trị hàng là 298.898.500 đồng. Việc Nguyên đơn khởi kiện cho rằng Bị đơn còn nợ 1.377.458.000 đồng và khoản tiền lãi là 80.030.339 đồng phát sinh từ ngày 26/01/2017 đến ngày 26/8/2017 là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về khoản tiền yêu cầu là 1.457.488.839 đồng nhưng không được Tòa án chấp nhận nên Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 55.724.665 đồng. Công ty PTkhông phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của Nguyên đơn không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Về chi phí giám định: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định, tuy nhiên chứng cứ mà nguyên đơn yêu cầu giám định không đủ điều kiện để cơ quan giám định thực hiện việc giám định. Do đó, nguyên đơn phải chịu tiền chi phí giám định theo Phiếu thu số 253 ngày 02/8/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh là 1.500.000 đồng theo Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí giám định nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận M thành phố Hồ Chí Minh. Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty LA về việc yêu cầu bị đơn Công ty PTphải trả khoản nợ tiền hàng 1.377.458.500 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 80.030.339 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty LA phải chịu là 55.724.665 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Công ty LA đã nộp là 26.661.878 đồng theo biên lai thu số 0001891 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty LA phải nộp thêm số tiền 29.062.787 đồng.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty LA phải chịu là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số AC/2018/00017624 ngày 24/7/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, TP. Hồ Chí Minh. Công ty LA dã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Về chi phí giám định: 1.500.000 đồng buộc Công ty LA phải chịu. Công ty LA đã nộp đủ 1.500.000 đồng tiền chi phí giám định.

Các đương sự thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- TAND quận M;
- Chi cục THADS quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Thủy